

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2017
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH
Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Khuông - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà : Không

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* Anh **Vũ Trọng T**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Trú tại: thôn C, xã T₁, huyện T₂, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Chị **Phí Thị H**, sinh năm 1988 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: thôn L, xã T₁, huyện T₂, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Trọng T trình bày: Anh và chị Phí Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T₁ huyện T₂, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng ra Hải Phòng thuê nhà trọ làm công nhân. Do tính tình không hợp,

vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất là từ đầu năm 2016 đến nay. Anh T đã bỏ về quê ở xã T₁ làm ruộng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ HL, sinh ngày 19/4/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, nhưng nếu chị H xin nuôi con chung anh đồng ý và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt, bị đơn là chị Phí Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Trọng T kết hôn với nhau vào ngày 02 tháng 5 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T₁, huyện T₂, tỉnh B. Do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân đã gần 02 năm nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T viết đơn xin ly hôn chị xác định có sống với anh T cũng không có hạnh phúc, chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ HL, sinh ngày 19/4/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung : Chị xác định chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu tòa án giải quyết

Tại phiên toà, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung gì. Còn bị đơn là chị H trong đơn xin xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì chị bận phải đi làm không có thời gian về tham gia phiên tòa được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của đương sự

và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Phí Thị H có đơn xin xử vắng mặt có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Trọng T và chị Phí Thị H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng khi mới về chung sống với nhau mới được hai năm đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính cũng là do thời kỳ trước hôn nhân hai bên không tìm hiểu về tính cách cũng như tâm tư tình cảm của nhau nên khi chung sống cùng nhau đã không có tiếng nói chung và nhanh chóng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân của anh T và chị H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của anh T và chị H chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân gần 02 năm nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T xin ly hôn chị H là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ HL, sinh ngày 19/4/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị H, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Tại phiên tòa anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Xét yêu

cầu của các đương về việc trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung do các bên tự thỏa thuận là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Anh Vũ Trọng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Trọng T được ly hôn với chị Phí Thị H

Về con chung: Giao con chung Vũ H L, sinh ngày 19/4/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2017. Anh T có quyền đi lại thăm non, giáo dục con chung, chị H không được ngăn cản

Về tài sản chung, nợ chung:
Không đặt ra giải quyết.

Về án phí:
Anh Vũ Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0001127 ngày 11/8/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T₂ sang thi hành án phí. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Anh Vũ Trọng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Phí Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T_2
- Chi cục THADS huyện T_2
- TAND tỉnh TB
- UBND xã T_1
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương